

ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Lê Thị Phụng

Trường Đại học Hồng Đức

Tóm tắt: Thế kỉ XXI, thế giới đang thay đổi với tốc độ chóng mặt bởi tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Đào tạo giáo viên tất yếu phải thay đổi, là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách quyết định chất lượng nguồn nhân lực thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ hướng tiếp cận đó, bài viết đưa ra một số giải pháp cốt lõi trong phát triển chương trình đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn ở trường đại học Hồng Đức: Dùng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học làm căn cứ để đổi mới đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn đáp ứng chuẩn đầu ra; đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận phát triển năng lực nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; tăng cường thực hành nghề và ứng dụng ICT; đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học. Những giải pháp trên đây phản ánh xu hướng tất yếu của phát triển đào tạo giáo viên trong nước cũng như trên thế giới ở thế kỉ XXI.

Từ khóa: Đào tạo giáo viên sư phạm Ngữ văn, đại học Hồng Đức, phát triển năng lực nghề nghiệp.

1. Mở đầu

Thế kỉ XXI, thế giới đang thay đổi nhanh chóng do tốc độ của những đột phá trong khoa học, công nghệ thông tin và viễn thông. Sự phát triển chưa từng có tiền lệ trong lịch sử và xu hướng hội nhập quốc tế đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó giáo dục mà trước hết là lĩnh vực đào tạo giáo viên ở các trường đại học đang phải đương đầu với nhiều thách thức to lớn, tất yếu phải đổi mới để đáp ứng yêu cầu của đất nước thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bài viết đưa ra một số giải pháp cốt lõi trong phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn ở trường đại học Hồng Đức định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông - căn cứ để đổi mới đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn đáp ứng chuẩn đầu ra

2.1.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông gồm 5 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí do Bộ giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGD-ĐT về phẩm chất, năng lực nghề nghiệp mà một người giáo viên phải đạt được để

thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Đây là bước tiến mới của khoa học giáo dục, lần đầu tiên, các cơ sở đào tạo giáo viên, đội ngũ giáo viên và các nhà quản lí có những tiêu chuẩn để tu dưỡng và kiểm định, để đánh giá và tự đánh giá năng lực nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nhà giáo

Tuân thủ các quy định và rèn luyện về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và tạo dựng phong cách nhà giáo.

Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo

Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo

Tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ

Nắm vững chuyên môn và thành thạo nghiệp vụ; thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân

Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Tiêu chí 6. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh

Tiêu chuẩn 3. Xây dựng môi trường giáo dục

Thực hiện xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường

Tiêu chí 8. Xây dựng văn hóa nhà trường

Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường

Tiêu chí 10. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường

Tiêu chuẩn 4. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Tiêu chí 11. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan

Tiêu chí 12. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh

Tiêu chí 13. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Tiêu chuẩn 5. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục

Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.

Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc

Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục

Tóm lại, dựa vào 5 tiêu chuẩn trong *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*, chúng tôi xây dựng Chuẩn đầu ra và mô tả thành các yêu cầu về năng lực người học cần đạt sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành sư phạm Ngữ văn, đồng thời đây cũng là cơ sở để đổi mới đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn ở trường đại học Hồng Đức theo hướng tiếp cận phát triển năng lực nghề đáp ứng chuẩn đầu ra.

2.1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành sư phạm Ngữ văn của trường đại học Hồng Đức

Chuẩn đầu ra (quy định của cơ sở đào tạo về phẩm chất, năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành đào tạo) có ý nghĩa quan trọng đối với cả quá trình đào tạo từ việc xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình đến việc sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo. Chuẩn đầu ra còn là cơ sở để người học biết rõ mình phải đạt được những năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ) gì của người giáo viên khi kết thúc chương trình đào tạo, từ đó xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện bản thân.

Dựa vào 5 tiêu chuẩn 15 tiêu chí trong *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông* của Bộ Giáo dục quy định, chúng tôi xây dựng *Chuẩn đầu ra* - các yêu cầu về năng lực người học cần đạt sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành sư phạm Ngữ văn. Đây là kim chỉ nam để đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong quá trình đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn ở trường đại học Hồng Đức theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội.

Về phẩm chất đạo đức: Tuân thủ các quy định về phẩm chất đạo đức, phong cách nhà giáo

Về kiến thức

- Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông.

- Có kiến thức cơ bản nền tảng vững chắc, có kiến thức tâm lý, giáo dục, quản lý quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục.

- Có kiến thức chuyên sâu về các giai đoạn văn học, nền văn học, ngôn ngữ tiếng Việt, tạo lập văn bản, phương pháp dạy học bộ môn và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Kỹ năng

- Có năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục.

- Có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhân cách người học.

- Có năng lực xây dựng kế hoạch dạy học đảm bảo kiến thức môn học Ngữ văn, đảm bảo chương trình môn học; sử dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học; biết xây dựng môi trường học tập, quản lí hồ sơ dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

- Biết sử dụng công nghệ thông tin trong khai thác Internet; các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, thiết kế bài giảng điện tử, video, phục vụ công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Biết vận dụng những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học phổ thông.

- Biết cách phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học phổ thông.

- Có khả năng hướng dẫn học sinh trung học phổ thông nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

- Tiếng Anh đạt bậc 4 (B2) trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc ngoại ngữ Việt Nam (Có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu, học tập Ngữ văn; có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo về ngành Ngữ văn hay bài phát biểu về các chủ đề trong công việc liên quan đến Ngữ văn; có thể viết báo cáo, trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề trong lĩnh vực Ngữ văn bằng Tiếng Anh).

- Có kỹ năng tham gia, phối hợp, tổ chức các hoạt động chính trị, xã hội.

- Có năng lực tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện. Có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp đáp ứng những yêu cầu mới trong giáo dục.

Về thái độ

Có tình yêu nghề nghiệp, chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ; có nhu cầu tự học nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp thích ứng với sự biến đổi không ngừng của môi trường giáo dục trong các tình huống thực tế.

Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có khả năng dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ trong dạy học Ngữ văn ở bậc trung học phổ thông, thích ứng tốt với môi trường giáo dục hiện đại.

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu Ngữ văn và quản lý giáo dục;

- Có khả năng đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Ngữ văn, đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khoa học của các kết luận đó.

- Có khả năng thu thập, khai thác, sử dụng hiệu quả các giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương, đất nước vào thực tiễn giáo dục ở phổ thông.

- Có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển nghề nghiệp

2.2. Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận phát triển năng lực nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông

Mục tiêu đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn ở trường đại học là để chuẩn bị cho người học năng lực thực hiện công việc của người giáo

viên Ngữ văn ở trường phổ thông. Vì thế, những yêu cầu đối với sinh viên tốt nghiệp (hay chuẩn đầu ra) của chương trình đào tạo có thể căn cứ trên chuẩn nghề nghiệp giáo viên THPT và THCS. Về vấn đề này, chúng tôi tham khảo cách làm của một số trường đại học uy tín trong nước cũng như trên thế giới như ở Úc, “Chương trình đào tạo giáo viên trong các trường đại học được xây dựng dựa trên Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và mục tiêu đầu ra của chương trình – Australian Professional Standards For Teachers’ [4]. Tuy nhiên, chuẩn đầu ra là những yêu cầu về năng lực người học cần hình thành trong quá trình đào tạo, còn chuẩn nghề nghiệp giáo viên là những yêu cầu đặt ra đối với giáo viên trong cả quá trình hành nghề.

Một trong những vấn đề còn tồn tại hiện nay trong đào tạo nguồn nhân lực ở các trường đại học là chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng tiếp cận nội dung. Nghĩa là, chương trình chỉ chú trọng cung cấp kiến thức, nặng lý thuyết, công tác thực hành giáo dục, kỹ năng làm việc gắn với nhu cầu của thị trường lao động chưa được quan tâm đúng mức, chưa chú ý tính liên thông giữa các bậc đào tạo. Xuất phát từ nhu cầu cấp bách trong thực tiễn về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 88/2014/QH13 và đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết 29 hội nghị trung ương 8 khóa XI, trường đại học Hồng Đức đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng và phát triển năng lực góp phần khắc phục tình trạng chất lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường không đáp ứng được nhu cầu xã hội, không có khả năng kiếm việc làm. Chương trình đào tạo ngành sư phạm Ngữ văn trình độ đại học áp dụng từ năm học 2016 – 2017 có những đổi mới căn bản sau đây:

- Xây dựng chuẩn đầu ra dựa trên nhu cầu xã hội và chuẩn nghề nghiệp.

- Bổ sung, cập nhật khối kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức nền của người giáo viên mới) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp đối với các môn học đáp ứng chuẩn ngành nghề đào tạo và yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

- Giảm lý thuyết, tăng thực hành rèn nghề, bổ sung thời lượng cho các hoạt động thực tế và hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tăng cường hướng dẫn sinh viên tập dượt nghiên cứu khoa học.

- Thực hiện liên thông giữa các bậc đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, tránh trùng lặp, chồng chéo nội dung chương trình. Thực hiện tích hợp liên môn và tích hợp xuyên môn để giảm tải chương trình đào tạo đồng thời phát triển ở người học năng lực dạy học tích hợp và dạy học phân hóa.

- Tăng cường nhiều học phần tự chọn mới, thể hiện chương trình đào tạo mang tính ứng dụng, linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người học lựa chọn,

bổ sung những kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp mà xã hội có nhu cầu.

- Một số môn học/học phần tuy vẫn giữ tên gọi cũ nhưng trong mô tả học phần phải thể hiện rõ nội dung đào tạo theo hướng nghề nghiệp ứng dụng, xác định khối kiến thức cũng như kĩ năng, năng lực đầu ra do học phần đảm nhận.

2.2.2. Đổi mới cách xây dựng học phần theo hướng phát triển năng lực đáp ứng Chuẩn đầu ra

Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Có hai loại học phần. Nếu học phần bắt buộc chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của chương trình đào tạo bắt buộc sinh viên phải tích lũy thì học phần tự chọn chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn.

Xây dựng học phần trong chương trình đào tạo truyền thống theo tiếp cận nội dung chỉ chú trọng trang bị kiến thức khoa học chuyên ngành ít quan tâm phát triển năng lực nghề nghiệp vì vậy người học thường mạnh về lí thuyết nhưng lại yếu và thiếu các kĩ năng. Khắc phục tình trạng này, chúng tôi đổi mới cách xây dựng học phần theo hướng phát triển năng lực đáp ứng chuẩn đầu ra. Nghĩa là, mỗi học phần cần xác định được sẽ đảm nhận khối lượng kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp nào trong Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tránh chồng chéo, trùng lặp, dành nhiều thời gian cho thực hành, rèn nghề và các trải nghiệm gắn với các tình huống thực tiễn.

Một số ví dụ về cách xây dựng học phần trong chương trình đào tạo theo tiếp cận nội dung.

- Học phần *Phương pháp dạy học văn* cung cấp cho người học kiến thức về chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, các nguyên tắc, phương pháp dạy học tác phẩm văn học, phương pháp dạy học các bài văn học sử, lí luận văn học; phương pháp tổ chức hoạt động ngoại khoá văn học.

- Học phần *Phương pháp dạy học làm văn* cung cấp cho người học kiến thức khái quát chung về môn Làm văn ở Trung học phổ thông như mục tiêu, nội dung chương trình, sách giáo khoa, các tiền đề lí thuyết của dạy học làm văn, các nguyên tắc và phương pháp dạy học lí thuyết và dạy học thực hành làm văn, phương pháp ra đề, chấm bài và trả bài làm văn.

Một số ví dụ về cách xây dựng học phần theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Học phần *Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản*:

Nội dung học phần cung cấp cho người học các phương pháp, biện pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức dạy học văn ở nhà trường THCS và THPT theo đặc trưng loại thể bao gồm: phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản (trữ tình, tự sự, kịch, nghị luận, thông tin/nhật dụng); phương pháp dạy học các bài văn học sử, lí luận văn học; phương pháp tổ chức hoạt động ngoại khoá văn học.

Năng lực đạt được: SV có khả năng vận dụng các tri thức trên vào việc giải quyết những tình huống sư phạm đặt ra từ thực tế dạy học Văn; có kĩ năng dự giờ thành thạo, thiết kế giáo án và tổ chức thực hành dạy học các giờ đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng loại thể; hướng đến hình thành cho SV năng lực dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường THCS và THPT.

- Học phần *Phương pháp dạy học làm văn*:

Nội dung học phần cung cấp cho người học các quan điểm, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lí thuyết và dạy học thực hành 6 kiểu văn bản theo hướng phát huy năng lực viết và năng lực nói; quy trình, kĩ thuật rèn luyện kĩ năng tạo lập các kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính – công vụ.

Năng lực đạt được: SV có kĩ năng xác định mục tiêu môn học, bài học, thiết kế được các giáo án dạy học lí thuyết và dạy học thực hành làm văn ở bậc trung học; có kĩ năng vận dụng phương pháp dạy học, biết tổ chức các tiết dạy làm văn chính khóa, ngoại khóa phù hợp với mục tiêu giáo dục trong chương trình, sách giáo khoa; có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình giảng dạy phân môn làm văn ở nhà trường phổ thông.

- Học phần *Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh Trung học*

Nội dung học phần: cung cấp cho người học một số vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục, các loại hình đánh giá, phương pháp, quy trình đánh giá người học, kĩ thuật thiết kế các công cụ kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn Ngữ văn.

Năng lực đạt được: SV có khả năng thiết kế câu hỏi, bài tập, ra đề, xây dựng đáp án, chấm bài, trả bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo hướng phát triển bốn kĩ năng đọc, nghe, nói, viết; biết xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá người học phù hợp với quy định hiện hành; biết sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá phục vụ cho công tác giáo dục phát triển toàn diện học sinh.

- Học phần *Ứng dụng ICT trong dạy học Ngữ văn*

Nội dung học phần cung cấp cho người học lý thuyết về sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn; kiến thức cơ bản về

một số phần mềm giáo dục được áp dụng trong dạy học Ngữ văn; một số hướng dẫn khai thác, sử dụng Internet, cách lưu trữ và chia sẻ thông tin trong dạy và học Ngữ văn.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập, nghiên cứu, giảng dạy môn Ngữ văn.

2.3. Đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng phát triển năng lực ứng dụng ICT

Thế kỉ XXI, cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang làm thế giới thay đổi nhanh chóng, tri thức hầu như vô tận, giáo viên được kì vọng phải định hướng vào công nghệ và phải thay đổi cách dạy học truyền thống, chuyển từ vai trò người truyền thụ kiến thức sang người tổ chức các hoạt động học tập, tạo môi trường học tập cho sinh viên, hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ sinh viên để các em từng bước hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp.

Dạy học tích hợp, dạy học phân hóa, phát triển năng lực đang là xu thế phổ biến của giáo dục trên thế giới và chương trình giáo dục phổ thông mới của Việt Nam.

2.3.1. Dạy học tích hợp

Tích hợp (Integrated) là sự tổ hợp, phối hợp, lồng ghép các kiến thức, kĩ năng ở nhiều lĩnh vực riêng rẽ, trong một môn học, bài học để giải quyết vấn đề trong những tình huống cụ thể. Tích hợp đã trở thành một xu hướng phổ biến trong giáo dục trên toàn thế giới vì dạy học tích hợp là phương pháp tạo ra năng lực. Dạy học tích hợp có những dấu hiệu cơ bản sau:

- Thiết lập các mối quan hệ theo một logic nhất định những kiến thức, kĩ năng khác nhau để thực hiện một hoạt động phức hợp.

- Lựa chọn những thông tin, kiến thức, kĩ năng cần cho người học khi thực hiện các tình huống/nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn đời sống, xã hội.

- Không ưu tiên truyền đạt kiến thức, thông tin đơn lẻ. Chú trọng hình thành ở người học năng lực tìm kiếm, sử dụng kiến thức mang tính mục đích rõ rệt để giải quyết vấn đề trong tình huống có ý nghĩa.

- Dạy học tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn có thể thực hiện ở các quy mô, mức độ khác nhau: tích hợp theo lĩnh vực, môn học, chủ đề, tình huống, câu hỏi, bài tập, sơ đồ, hình ảnh. Cách thức tích hợp tự nhiên, linh hoạt phổ biến như tích hợp ngang (tích hợp liên môn), tích hợp dọc (tích hợp nội môn) và tích hợp chủ đề (tích hợp xuyên môn).

Ví dụ:

(1) Dạy học sinh cách viết bài văn nghị luận thông qua dạy đọc hiểu văn bản “Hiền tài là nguyên khí quốc gia” (Thân Nhân Trung)

(2) Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản thơ cho học sinh lớp 10 thông qua việc lồng ghép, phối hợp những kiến thức đã học, những trải nghiệm, kinh nghiệm đọc thơ, cảm thụ thơ của học sinh.

(3) Vận dụng tổng hợp kiến thức để viết, nói, trình bày về một số chủ đề: chủ quyền quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường,...

(4) Trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của sông Hương trong bài kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông” (Hoàng Phủ Ngọc Tường) từ góc nhìn văn hóa, lịch sử.

(5) Nhân vật người đàn bà trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” (Nguyễn Minh Châu) gợi nhớ điều gì làm em suy nghĩ nhất?

Như vậy, dạy học tích hợp sẽ phát huy tối đa hoạt động thực tiễn gắn với kiến thức lí thuyết, làm gia tăng năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Kiến thức đưa vào chương trình các môn học, bài học trước hết cần phải và có thể làm cho người học biết huy động vào các tình huống có ý nghĩa, chứ không phải để nhồi nhét nhiều thông tin nhưng không sử dụng được. Điều này đồng nghĩa với việc lựa chọn nội dung kiến thức và xác định môn học để dạy học tích hợp phải hướng vào hệ thống năng lực và các giá trị nghề nghiệp mà người học cần đạt được.

2.3.2. *Dạy học phân hóa* là chiến lược dạy học dựa trên nhận thức của giảng viên về nhu cầu, hứng thú và cách thức học của từng cá nhân người học, khác với dạy học đại trà nội dung và cách dạy chủ trương áp dụng cho số đông.

Thực tế cho thấy, sinh viên trong cùng một lớp học, khóa học có nhiều điểm khác biệt về trình độ, hứng thú, khả năng. Trong cuốn *Thuyết đa trí tuệ trong lớp học*, Giáo sư Haward Gardner đã viết: “Điều cực kì quan trọng là chúng ta phải thừa nhận và bồi dưỡng mọi trí tuệ của con người, cũng như mọi kết hợp của các dạng trí tuệ. Tất cả chúng ta khác nhau đến thế là vì mỗi chúng ta đều có những kết hợp trí tuệ rất khác nhau. Nếu thừa nhận điều đó, theo tôi nghĩ ít nhất chúng ta sẽ có những cơ may tốt hơn để xử trí một cách thấu đáo mọi vấn đề mà ta phải đối mặt” [6,11]. Dạy học phân hóa có những dấu hiệu cơ bản sau:

- Sự quan tâm có hệ thống dành cho người học có đa dạng các nhu cầu đặc biệt.

- Điều chỉnh nội dung kiến thức để đáp ứng năng lực, kinh nghiệm và hứng thú của người học.

- Tổ chức nhiều hình thức dạy học, cách dạy học chú ý tới các đối tượng riêng biệt, cá nhân hóa người học trên lớp giúp sinh viên đạt mục tiêu học tập.

- Khuyến khích người học chứng minh hiểu biết của mình theo nhiều cách có ý nghĩa.

- Tôn trọng sự đa dạng trí tuệ trong môi trường học tập dựa vào nhu cầu và năng lực người học.

Các chiến lược dạy học phân hóa nhằm phát triển đa trí tuệ trong lớp học như kể chuyện, động não, hỏi đáp, tư duy khoa học, tạo hình ảnh, sân khấu hóa trong lớp học, nhóm hợp tác, mô phỏng, biểu lộ cảm xúc, các liên kết cá nhân với thông tin trong văn bản đọc hiểu, các hoạt động đặt mục đích, xây dựng ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện ý tưởng. Cần khuyến khích những sinh viên có ý tưởng sáng tạo, mới mẻ, độc đáo, chú trọng sinh viên biết cách dạy một chuyên đề học tập ở trung học phổ thông nhằm đạt được mục tiêu phân hóa và góp phần định hướng nghề nghiệp.

Thực tế cho thấy, nếu vận dụng khéo léo dạy học phân hóa, giảng viên sẽ có nhiều cơ hội giúp sinh viên phát huy được khả năng, kinh nghiệm của mình đáp ứng các cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo giáo viên chất lượng cao ngành sư phạm Ngữ văn, trường đại học Hồng Đức.

2.3.3. Phát triển năng lực ứng dụng ICT

ICT là chữ viết tắt của Information and Communication Technologies (Công nghệ thông tin và truyền thông). Công nghệ thông tin bao gồm máy tính, Internet, công nghệ truyền thông (đài và vô tuyến), và điện thoại. Các phương tiện ICT, bản thân nó không phải là nhân tố quan trọng nhất trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Ngữ văn, tuy nhiên, nếu biết cách khai thác ưu thế của ICT và ứng dụng ICT một cách sáng tạo trong dạy và học thì hiệu quả do chúng mang lại sẽ là rất lớn.

Trong thế giới kỹ thuật số, người giáo viên phải định hướng vào công nghệ và chịu trách nhiệm không chỉ với việc dạy của mình mà còn với việc học của trò: dạy học sinh cách học để tự học suốt đời. Mỗi quan tâm của các nhà trường đã chuyển từ “Làm thế nào để sử dụng ICT?” sang “Học sinh học như thế nào khi sử dụng ICT?”. Chương trình đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn của trường đại học Hồng Đức do vậy rất chú trọng phát triển năng lực ứng dụng ICT cho sinh viên, biết sử dụng ICT một cách tốt nhất nhằm tối đa hóa việc học tập, khuyến khích sinh viên tự tìm đọc, thu thập tài liệu trong thư viện và trên mạng Internet để thực hiện các nghiên cứu cá nhân hay theo nhóm, sau đó trình bày, thảo luận kết quả nghiên cứu trước lớp; rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc trình bày như Powerpoint, video, tranh ảnh và các phần mềm ứng dụng khác; tạo lập một văn bản đa phương thức có nội dung và hình thức phong phú, sinh động, hiệu quả hoặc tạo lập một văn bản thuyết minh trình bày các thông tin ngắn gọn, sáng sủa, hấp dẫn bằng cách sử dụng ICT.

Thực hiện giải pháp này cũng chính là để đáp ứng yêu cầu Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT và dạy học Chương trình giáo dục phổ thông mới môn Ngữ văn từ năm 2019.

2.4. Tăng cường thực hành, trải nghiệm gắn với phát triển năng lực nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông

Cùng với hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành rèn nghề, công tác thực tập nghề nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên. Không phải ngẫu nhiên, “trường đại học Helsinki (Phần Lan) dành tới 1/3 thời lượng chương trình đào tạo cho công tác thực hành, thực tập ở trường phổ thông”[7, tr.237], “trường đại học Wollongong (Úc) dành 17 tuần thực hành nghề nghiệp tại các trường phổ thông (năm thứ hai 4 tuần, năm thứ ba 2 tuần và năm thứ tư 11 tuần)”[8, tr.181]. Chương trình đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn của trường đại học Hồng Đức tăng cường thực hành nghề nghiệp cho sinh viên trong suốt quá trình đào tạo.

Không chỉ cấu trúc lại tổng thể chương trình để đảm bảo cân đối khối kiến thức giữa khoa học cơ bản và khoa học Giáo dục, đặt bộ môn Lí luận và Phương pháp dạy học, công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm vào một vị trí thích đáng, chương trình đào tạo còn chú trọng lồng ghép, tích hợp giữa dạy khoa học cơ bản với dạy nghề, đào tạo nghiệp vụ ở tất cả các giai đoạn, các phân việc trong dạy học các môn khoa học cơ bản.

Tăng hoạt động thực hành, gắn lý thuyết với kỹ năng nghề nghiệp còn được thể hiện ở việc phân bố thời lượng trong mỗi học phần. Thay vì mỗi học phần chỉ có giờ lý thuyết, giờ thảo luận, bài tập và giờ tự học như trước đây, chương trình đào tạo giáo viên mới còn chú trọng giờ thực hành, thực tế, hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Thông qua hoạt động và bằng chính hoạt động gắn với thực tiễn phát huy khả năng chủ động phát hiện và giải quyết vấn đề, phát triển khả năng giao tiếp, thuyết trình của người học, giúp các em có động cơ, hứng thú học tập tích cực.

Công tác thực hành nghề nghiệp của sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn trường đại học Hồng Đức tại các trường phổ thông được tiến hành thường xuyên: năm thứ hai (2 tuần), năm thứ ba (2 tuần) và năm thứ tư (8 tuần) dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên phổ thông (cán bộ hướng dẫn) và giảng viên đại học (trưởng đoàn thực tế, thực tập, kiến tập). Thời gian thực hành nghề nghiệp ở trường phổ thông giúp sinh viên hình thành các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp giáo viên trước khi họ trở thành giáo viên chính thức. Đây là một bước tiến đáng kể so với chương trình đào tạo giáo viên Trung học tại Úc.

Đặc biệt, công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được chú trọng và nâng cao về chất lượng, chúng tôi coi đây là một trong hai nội dung chủ yếu trong chương trình đào tạo ngành sư phạm đáp ứng chuẩn đầu ra. Chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên được xây dựng dựa trên Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và thực tiễn giáo dục phổ thông gồm các nội dung: Phân tích chương trình môn học; thiết kế giáo án; sử dụng ICT trong dạy học Ngữ văn; tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn; đặt câu hỏi, ra bài tập môn Ngữ văn; đọc diễn cảm, kể chuyện; xử lý tình huống sư phạm. Thời lượng chương trình rèn luyện NVSP gồm 150 tiết, tiến hành trong 3 tháng học kì 1, từ giữa tháng 10 và kết thúc vào tháng 1 bằng Hội thi sinh viên giỏi NVSP và Hội thi sinh viên Ngữ văn với hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Đội ngũ hướng dẫn sinh viên rèn luyện NVSP là những giảng viên có nhiều kinh nghiệm về thực tiễn giáo dục phổ thông, có nhiều công trình, đề tài nghiên cứu về dạy học chương trình, sách giáo khoa ở bậc phổ thông. Ngoài ra, nhà trường và các khoa đào tạo còn tổ chức mời giáo viên cốt cán của các trường phổ thông tham gia dạy mẫu, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, trao đổi với nhà trường về những điểm mạnh, điểm

yếu của sinh viên đang thực tập tại các trường và những sinh viên đã tốt nghiệp hiện đang công tác tại các trường phổ thông, trên cơ sở đó, giúp cho nhà trường kịp thời điều chỉnh nội dung, phương pháp đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Kết luận

Dạy học ở bất kì thời đại nào người giáo viên cũng giữ vai trò quyết định chất lượng vì chính họ là người thực hiện chương trình. Từ hệ thống lí luận về khoa học Giáo dục đến thực tiễn nhà trường đều cho thấy mọi sự tiến bộ của chương trình, sách giáo khoa, điều kiện dạy học... đều khó phát huy hiệu quả nếu thiếu đội ngũ giáo viên giỏi. Dewey – nhà cải cách giáo dục người Mỹ cũng khẳng định: “Tại nơi đã có bất kì cái gì đang tăng trưởng thì một người dạy học có giá trị bằng hàng ngàn nhà cải cách” [5,395]. Bởi vậy, để thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội, việc đổi mới đào tạo giáo viên ngành sư phạm Ngữ văn theo định hướng ứng dụng, phát triển năng lực nghề là một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách quyết định chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 8/2015, Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong chương trình giáo dục phổ thông mới.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013, Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo giáo viên trung học phổ thông, Nxb Văn hóa – thông tin, tr.179-182.
3. Đinh Quang Báo (chủ biên), 2016, Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, Nxb Đại học sư phạm.
4. AIILS (2015), Accreditation of initial teacher Education programs in Australia.
5. Dewey.J, 2012, *Về Giáo dục*, Phạm Anh Tuấn dịch, Nxb Trẻ.
6. Thomas Armstrong, 2011, *Đa trí tuệ trong lớp học*, Nxb Giáo dục Việt Nam
7. Pasi Sahlberg. (2016). *Bài học Phần Lan 2.0*, Đặng Việt Vinh dịch, Nxb Thế giới, tr. 227-230,232,237,238.
8. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế. (2016). Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, Nxb Đại học Sư phạm, tr.115-116,181.
9. University of Helsinki (2016). *Annual Review 2016 and Strategy Review 2013-2016*. Helsinki: University of Helsinki, p10.
10. Lê Thị Phượng (2019), Chương trình đào tạo giáo viên Phần Lan, một góc nhìn tham chiếu cho đào tạo ngành sư phạm Ngữ văn chất lượng cao ở trường đại học Hồng Đức, Tạp chí Khoa học số 42, trường đại học Hồng Đức.

TRAINING TEACHERS OF LITERARY PEDAGOGY AT HONG DUC UNIVERSITY MEETING WITH GENERAL EDUCATION RENOVATION

Le Thi Phuong

Hong Duc University

Abstract: *The world has been changing rapidly because of 4.0 technological revolution's impact in the twenty-first century. Training teachers inevitably must change, which is an urgent task to decide quality of human resources to achieve the goal of general education reform for the cause of industrialization and modernization. From this point of view, the article offers a number of core solutions for training teachers of literary Pedagogy at Hong Duc University: using professional standards for teachers to train students to achieve the outputs, requirements reforming training program matching with social demands, increasing the practice and application of ICT, renewing methods of teaching in the direction of activating learning activities to enhance students' professional capacity.*

Keywords: *Training teachers, Linguistics and Literature Teacher Education, Hong Duc University, competence development.*